

# TỪ ÁI CHÂU ĐẾN THANH HÓA LỘ TRONG THỜI MỞ ĐẦU KỶ NGUYÊN ĐẠI VIỆT

PGS. TS. Lâm Bá Nam, Đại học KHXH & NV - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong lịch sử Việt Nam, xứ Thanh thường được biết đến với tư cách là gạch nối địa - văn hóa giữa Bắc Bộ và Trung Bộ. Địa dư và địa danh xứ Thanh, giống như nhiều địa phương khác, trong lịch sử thường xuyên biến động qua các triều đại. Những ghi chép về địa dư hành chính trong sử cũ, như cách nói của Nguyễn Văn Siêu “*nhiều chữ nhầm lẫn không sao hiểu được*”<sup>(1)</sup>. Chính vì vậy, việc tìm hiểu danh xưng các địa phương không thể không đặt nó trong quá trình quản lý, thiết lập bộ máy và các đơn vị hành chính của chính quyền đương thời. Thật khó xác định một cách đầy đủ quy mô và vị trí hành chính các loại như *châu, đạo, lộ, phủ* qua những điều chỉnh và đổi thay giai đoạn này. Các công trình biên khảo, nghiên cứu về địa lý học lịch sử, trên cơ sở các nguồn thư tịch về Danh xưng Thanh Hóa vẫn còn nhiều bỏ ngỏ. Dưới đây chúng tôi xin điểm qua một số khảo cứu và ghi chép rất đáng lưu ý về vấn đề này.

Theo ghi chép của sử cũ, thời nhà Đường, năm Vũ Đức thứ 5 (622) đặt Giao Châu Đại tổng quản phủ, quản

---

(1). Nguyễn Văn Siêu, *Phương Đình địa dư chí*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.42.

lĩnh 10 châu, trong đó có Ái Châu. Kể từ đó cho đến hết thời thuộc Đường vẫn tiếp tục được điều chỉnh: năm Thiên Bảo thứ 1 (742) đổi Ái Châu thành quận Cửu Chân; năm Càn Nguyên thứ 1 đổi lại thành Ái Châu.

Khi nước ta giành được độc lập chấm dứt ngàn năm Bắc thuộc khởi đầu từ chính quyền họ Khúc và tiếp đó là họ Dương, xứ Thanh vẫn là Ái Châu. Theo *Việt sử lược* và các nguồn thư tịch, Dương Đình Nghệ *người Ái Châu*<sup>(1)</sup>, khi nắm quyền bính trong tay đã gả con gái cho Ngô Quyền và cho quản lĩnh Ái Châu là một khu vực trọng yếu trong nước<sup>(2)</sup>. Dưới thời Đinh - Lê, xứ Thanh vẫn được định danh là Ái Châu. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhà Đinh *chia nước làm 10 đạo* nhưng không ghi rõ cụ thể. Cũng theo *Toàn thư* năm 1002, thời Lê *mùa xuân, tháng 3, định luật lệ, chọn quân lính, chia tướng hiệu làm hai ban, đổi 10 đạo làm lộ, phủ, châu*<sup>(3)</sup>.

Các sử thần triều Lê có ghi chép về việc năm 1001, vua (Lê Hoàn) thân đi *đánh giặc Cử Long* (vùng người Mường thuộc huyện Cẩm Thủy sau này). Tiếp đó khi Long Đĩnh lên ngôi, Ngự Bắc vương cùng với Trung Quốc vương chiếm trại Phù Lan làm phản, Vua thân đi đánh. Đến Đằng Châu, Quân giáp là Đỗ Thị đem việc

---

(1). *Đại Việt sử lược*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.77.

(2). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời (nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam)*, bản in lần thứ hai, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr.109.

(3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr.230.

người anh họ ngoại là Lê Hấp Ni làm phản tâu lên (...) Đền trại Phù Lan, người trại đóng cửa trại cố thủ. Đánh không hạ được, bèn vây chặt vài tháng, người trong trại hết lương ăn. Ngự Bắc vương biết kế cùng thế khuất, bèn bắt Trung Quốc Vương đem nộp. Chém Trung Quốc vương, tha tội cho Ngự Bắc vương rồi đem quân đánh Ngự Man vương ở Phong Châu. Ngự Man vương phải chịu hàng. Quân về đến Đằng Châu, đổi tên châu ấy làm phủ Thái Bình (...) *Chuyến đi này, khi quan quân đang đánh nhau với người trại Phù Lan, chợt thấy trạm báo tin là giặc Cử Long vào cướp đã đến cửa biển Thần Đầu. Vua về đến sông Tham đi sang Ái Châu để đánh giặc Cử Long*<sup>(1)</sup>. Như vậy cho đến thời Lê, các đạo - đơn vị hành chính đã được thay đổi thành châu (Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, châu Cổ Lãm...), phủ (Thái Bình). Thanh Hóa cho đến thời điểm này vẫn mang tên *Châu Ái* hay *Ái Châu*.

Bước sang thời Đại Việt khi nhà Lý dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc. Nhà Lý tiến hành sắp đặt diên cách, thiết lập bộ máy hành chính nhà nước. Theo Toàn thư, *năm 1010, mùa đông tháng 12 đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại*<sup>(2)</sup>. Theo ghi chép của Đào Duy Anh, Lý

---

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, tr.230-233.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, tr.242. *Trại* ở đây được hiểu là vùng xa so với các địa phương Bắc Bộ.

Công Uẩn chia cả nước thành 24 lộ song sách *Toàn thư* và *Cương mục* chỉ chép tên 12 lộ là: Thiên Trường lộ, Quốc Oai lộ, Hải Đông lộ, Kiến Xương lộ, Khoái lộ, Hoàng Giang lộ, Long Hưng lộ, Bắc Giang lộ, Trường Yên lộ, Hồng lộ, **Thanh Hóa lộ**, Diễn Châu lộ<sup>(1)</sup>.

Đào Duy Anh dẫn *Lĩnh ngoại đại đáp* của Châu Khứ Phi đời Tống cho biết: Giao Chỉ chia làm 4 phủ, 13 châu, 3 trại. Phủ là: phủ Đô hộ, phủ Đại Thông, phủ Thanh Hóa và đoán định: *lộ Thanh Hóa, cũng gọi là phủ Thanh Hóa, thì tương đương với phủ Thanh Hóa đời Trần, là miền tỉnh Thanh Hóa*<sup>(2)</sup>.

Cũng theo Đào Duy Anh, nhà Lý bắt chước chế độ nhà Tống, chia cả nước làm nhiều lộ, mỗi lộ gồm một hay hai, ba phủ và nhiều châu. Về phủ thì các sách *Việt sử lược* và *Toàn thư* chép tên phủ Thiên Đức do châu Cổ Pháp đổi ra, phủ Trường Yên do thành Hoa Lư đổi ra, phủ Ứng Thiên sau đổi thành Nam Kinh, phủ Đô hộ là phủ trực lệ, cùng là phủ Thanh Hóa, phủ Nghệ An.

Theo H. Maspéro trong chuyên luận nghiên cứu về địa lý, lịch sử thời Lý, Trần, Hồ thì phủ Thanh Hóa gồm miền Thanh Hóa và cả miền Nghệ An hiện nay(?).

Tuy nhiên, theo những ghi chép về hệ thống địa dư hành chính trong các bộ sử trước đây, việc xác định tên

---

(1). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd, tr.117.

(2). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd, tr.118-119.

gọi vùng đất Thanh Hóa hiện nay rất đa dạng và khó nhận diện một cách rõ ràng. Dưới đây chúng tôi xin điểm lại hai quan điểm cơ bản và bổ sung thêm một nguồn tài liệu gợi mở về vấn đề này:

- Theo ghi chép của Đào Duy Anh thì Thanh Hóa lộ được thành lập ngay khi triều Lý ra đời (Thuận Thiên năm thứ nhất - 1010). Tuy vậy, trong *Toàn thư* mãi về sau này vẫn gọi vùng đất Thanh Hóa hiện nay là Ái Châu hay Châu Ái khiến cho việc xác định danh xưng rất khó khăn. Thêm nữa vào năm 1010 đổi châu Hoan, châu Ái làm trại và Danh xưng Thanh Hóa chưa xuất hiện. Năm 1036, châu Hoan đổi thành châu Nghệ An và cho đến năm 1043 tên gọi châu Ái vẫn được ghi chép trong *Toàn thư* và sau đó không thấy xuất hiện.

- Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn, thời Đinh, Lê, Thanh Hóa là Châu Ái, năm *Thiên Thành thứ 2 (1029)*, *Châu Ái được đổi thành Thanh Hoa phủ*<sup>(1)</sup>.

- Các tác giả *Địa chí Thanh Hóa* căn cứ vào các ghi chép trong *Toàn thư* và *Cương mục* cho biết tên Thanh Hóa có từ năm 1111 và ghi thêm: Tân Mão năm thứ 2 (1111), mùa xuân, phủ Thanh Hóa dăng cây cau, một góc 9 cây, đồng thời nêu nghi vấn: Thanh Hóa đổi từ lộ sang

---

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.514.

phủ (có lẽ trước năm 1111)<sup>(1)</sup>. Để có cơ sở xem xét vấn đề này chúng tôi xin bổ sung những ghi chép trong các bộ sử dưới đây:

- *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt sử ký tiền biên* của Ngô Thì Sĩ ghi sự kiện năm 1105 Lý Thường Kiệt mất. Trong phần công trạng nêu: khi còn trẻ là Hoàng môn chi hậu thờ Thái Tông, dần dần thăng lên đến chức Nội thị sảnh Đô tri, Thánh Tông phong làm Thái bảo, ban chiếu cho tiết việt, **đi xét hỏi các lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An**<sup>(2)</sup>. Theo ghi chép trên đây thì tên gọi Thanh Hóa phải xuất hiện trước năm 1072 (năm Thánh Tông mất), hay trong khoảng thời gian trị vì của Thánh Tông (1054 - 1072) nhưng không rõ vị trí hành chính Thanh Hóa lúc bấy giờ là lộ hay phủ.

Từ những tư liệu trên đây, chúng tôi nghiêng về cách hiểu việc xuất hiện địa danh Thanh Hóa - với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương xuất hiện năm 1029. Tuy nhiên cần phải tiếp tục bổ sung các nguồn tư liệu để có thể xác định chắc chắn niên đại này.

---

(1). *Địa chí Thanh Hóa*, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000, tr.267.

(2). *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997, tr.253-254; *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.285.

**THỬ ĐƯA RA VÀI NIÊN ĐẠI  
VỀ DANH XƯNG THANH HÓA  
QUA TÀI LIỆU VĂN BIA VÀ THƯ TỊCH<sup>(\*)</sup>**

Cuối tháng 11 năm 2011, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề: “*Thanh Hóa - Đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, khởi đầu và diễn biến*”. Mặc dù chủ đề Hội thảo rất cụ thể nhưng phần lớn các tham luận của các nhà nghiên cứu ở Hà Nội, Thanh Hóa, Huế... vẫn chỉ tập trung xoay quanh đến nội dung: *Tên gọi Thanh Hóa xuất hiện từ lúc nào?* chứ ít bàn đến nội dung: vào thời điểm nào miền đất Thanh Hóa ngày nay trở thành đơn vị hành chính trực thuộc triều đình Trung ương? Qua nguồn tài liệu văn bia, thư tịch, theo cách hiểu của mình, các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều niên đại khác nhau xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa, trong đó 3 niên đại được đề cập nhiều nhất là năm 1029, năm 1082 và năm 1111.

Với mục đích duy nhất của Hội thảo lần này là bàn về *Danh xưng Thanh Hóa* thì dường như chủ đề được thu hẹp lại và rõ hơn. Tuy nhiên, để đưa ra được một niên đại tuyệt đối, đảm bảo khách quan khoa học thì không

---

(\*). PGS. TS. Nguyễn Đức Nhuệ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

dễ chút nào, và có lẽ cũng sẽ nhiều ý kiến trao đổi tại Hội thảo.

Trong Hội thảo cách đây gần 6 năm, với chủ đề “*Thanh Hóa - Đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, khởi đầu và diễn biến*”, tôi cho rằng sử liệu đầu tiên viết về **phủ Thanh Hóa** (với tư cách là đơn vị hành chính trực thuộc triều đình Trung ương) vào năm Hội Tường Đại Khánh thứ 2 (1111). Với chủ đề lần này của Hội thảo chỉ bàn về niên đại Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện đầu tiên thì đặt niên đại năm 1111 là chưa phù hợp vì trước đó, qua nội dung một số văn bia đã thấy xuất hiện địa danh Thanh Hóa kèm theo cấp hành chính (trại, trấn, quân...).

Để khảo về Danh xưng Thanh Hóa, chúng tôi căn cứ vào hai nguồn tài liệu quan trọng là *bi ký* và *thư tịch*:

### **I. Bi ký**

Văn bia thời Lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa còn lại không nhiều và đã được công bố trong các công trình dịch thuật như *Thơ văn Lý - Trần*; công trình của Nguyễn Văn Thịnh và gần đây được công bố trong *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa*, tập 1: *Văn bia thời Lý - Trần* (Nxb. Thanh Hóa, 2012)... Dưới đây, chúng tôi đề cập đến 4 văn bia thời Lý có ghi chép về địa danh Thanh Hóa (xếp theo thứ tự năm soạn, dựng bia):



## 1. *Minh Tịnh tự bi văn* 明淨寺碑文<sup>(1)</sup>.

Niên đại soạn, dựng bia: 廣祐陸年歲次庚午...  
(Quảng Hựu lục niên, tuế thứ Canh Ngọ - năm Canh Ngọ, niên hiệu Quảng Hựu thứ 6, tức năm 1090).

Địa danh Thanh Hóa trong văn bia gắn với hai nhân vật:  
- 權知清化寨崇儀使黃慶文 (Quyền tri *Thanh Hóa trại*, Sùng Nghi sứ Hoàng Khánh Văn).

- 同知清化寨內殿崇班黃承爾 (Đồng tri *Thanh Hóa trại* Nội điện Sùng ban Hoàng Thừa Nhĩ).

## 2. *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi kí* 安穫山報恩寺碑記.

Núi An Hoạch (núi Nhồi) nay thuộc phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa.

Nội dung văn bia cho biết: Chùa Báo Ân được khởi công từ mùa hạ năm Kỷ Mão (1099), đến mùa hạ năm Canh Thìn (1100) thì hoàn thành. Như vậy, bia có thể được soạn khắc vào năm khánh thành chùa (1100). Trong

---

(1). Bia nghề thôn Tế Độ, xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Nội dung tấm bia này đã được TS. Phạm Văn Thẩm công bố trong *Thông báo Hán Nôm học* năm 2000, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2001, tr.472-477.

bia có khắc về ruộng Tam bảo thời Trần, do đó có ý kiến cho rằng đến cuối thời Trần, bia được khắc lại và khắc thêm nội dung của thời sau.

Địa danh Thanh Hóa được khắc trong đoạn:

1. 署校書郎管勾御府同中書院編修兼守  
清化寨九真縣公事朱文常述 - Thự Hiệu thư lang,  
quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu, kiêm thủ  
Thanh Hóa trại, Cửu Chân huyện công sự Chu Văn Thường  
thuật (Chu Văn Thường giữ chức Thự Hiệu thư lang,  
quản câu ngự phủ, đồng Trung thư viện Biên tu, kiêm coi  
việc quan huyện Cửu Chân, trại Thanh Hóa, soạn thuật).

2. Đoạn ca ngợi sự nghiệp của Lý Thường Kiệt:

至壬戌之歲皇帝特加清化一軍賜公封邑  
群牧向風萬民慕德: “*Chi Nhâm Tuất chi tuế,  
Hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong  
ấp, quần mục hướng phong; vạn dân mộ đức*” (đến năm  
Nhâm Tuất [1082], nhà vua đặc biệt ban thêm cho một  
quân Thanh Hóa làm ấp phong. Châu mục đều ngưỡng  
mộ phong thanh, muôn dân đều mến mộ đức độ của ông).

3. *Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh*: 崇嚴延  
聖寺碑銘

Niên đại bia: 會祥大慶九年戊戌歲拾月拾玖日

Hội Tường Đại Khánh Mậu Tuất tuế thập nguyệt thập cửu nhật (ngày 19 tháng Mười năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh - tức năm 1118)<sup>(1)</sup>.

Địa danh Thanh Hóa xuất hiện trong đoạn văn:

九真郡清化鎮福延資聖寺傳法沙門兼知  
本郡教門公事通禪海照大師賜紫釋法寶撰 -  
Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Phúc Diên Tư Thánh tự, Truyền pháp sa môn kiêm tri bản quận giáo môn công sự Thông thiền Hải Chiếu đại sư, tứ tử thích Pháp Bảo soạn (*Thông thiền Hải chiếu đại sư, tứ tử, thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm quản công việc giáo môn trong quận soạn văn bia*).

#### **4. Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi 仰山靈稱寺**

碑銘<sup>(2)</sup>

Niên đại soạn, dựng bia:

---

(1). Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh ở làng Duy Tinh (nay thuộc xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa). Duy Tinh nguyên là trấn lý Thanh Hóa thời Lý, sau là phủ lý phủ Hà Trung.

(2). Bia hiện lưu giữ tại Bảo tàng Quốc gia Việt Nam.

天符睿武七年丙午三月初三日 - Thiên Phù  
Duệ Vũ thất niên Bính Ngọ tam nguyệt sơ tam nhật  
(Mông 3 tháng Ba năm Bính Ngọ, niên hiệu Thiên Phù  
Duệ Vũ, tức năm 1126).

Nội dung văn bia chủ yếu ca tụng công lao sự nghiệp  
của Thái úy Lý Thường Kiệt trong khoảng trên dưới 20  
năm ông trấn trị Thanh Hóa, trong văn bia có các đoạn  
viết liên quan đến địa danh Thanh Hóa:

- 英武昭勝初褒天子義弟知愛州九真郡  
清鎮諸軍州事封食越裳萬口 - Anh Vũ Chiêu  
Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ, tri Ái châu Cửu Chân  
quận Thanh Hóa trấn chư lộ quân châu sự, phong thực  
Việt Thường vạn hộ [Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng<sup>(1)</sup>  
[Ông] được phong làm em nuôi vua, trông coi mọi việc  
quân ở các châu trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, châu  
Ái và phong cho thái ấp một vạn hộ ở Việt Thường”.

- 九真郡清化鎮福延資聖寺傳法沙門兼  
知本郡教門公事覺性海照大師賜紫釋法寶

---

(1). Anh Vũ Chiêu Thắng là niên hiệu của Lý Nhân Tông từ năm 1076  
đến năm 1084.

撰: *Cửu Chân quận, Thanh Hóa trấn, Phúc Diên Tư Thánh tự, truyền pháp sa môn, kiêm tri bản quận giáo môn công sự, Giác tính Hải Chiếu Đại sư, tứ tử Thích Pháp Bảo soạn* (Giác tính Hải Chiếu Đại sư, tứ tử Thích Pháp Bảo, là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm coi việc giáo môn ở bản quận soạn lời).

- 秘書省校書郎管勾御府財貨充清化郡通判李允慈書並篆額 - Bí thư sảnh hiệu thư lang quản câu ngự phủ tài hóa sung Thanh Hóa quận thông phán Lý Doãn Từ tư tịch triện ngạch (Lý Doãn Từ, chức Bí thư sảnh, Hiệu thư lang Quản câu ngự phủ tài hóa), sung Thông phán quận Thanh Hóa viết chữ, kiêm viết chữ triện trên trán bia.

## **II. Tài liệu chính sử**

Dưới đây chúng tôi đề cập đến các bộ sử sau:

1. **Việt Sử lược** (tác giả khuyết danh thời Trần), bản dịch của Trần Quốc Vượng xuất bản năm 1960. Năm 2005, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm ngôn ngữ văn hóa Đông - Tây xuất bản với sự tham gia đối chiếu, chỉnh lý của Đinh Khắc Thuân và kèm theo văn bản chữ Hán.

2. ***Đại Việt sử ký toàn thư*** (*Toàn thư*) do Ngô Sĩ Liên và Sử thần triều Lê biên soạn, phần Kỷ nhà Lý (theo bản khắc in năm Chính Hòa 18 - 1697), tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1983.

3. ***Đại Việt sử ký tiền biên*** (*Tiền biên*) của Ngô Thì Sĩ, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997.

4. ***Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** (*Cương mục*) của Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998. *Bản chữ Hán, quyển 21*.

Ngoài ra, chúng tôi tham khảo thêm *Lịch triều hiến chương loại chí* (*Dư địa chí*) của Phan Huy Chú; *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Thanh Hóa); *Đồng Khánh địa dư chí* (tỉnh Thanh Hóa) của Quốc sử quán triều Nguyễn và *Thanh Hóa tỉnh chí* của Nhữ Bá Sĩ (bản dịch đánh máy, ký hiệu 90-92/TL-107 Thư viện tỉnh Thanh Hóa)...

Về địa danh Thanh Hóa được chép trong *Việt Sử lược*, *Toàn thư* và *Tiền biên* gắn với các sự kiện diễn ra dưới thời Lý như sau:

- Năm Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111): “phủ Thanh Hóa dâng một gốc cau sinh chín cây...” (*VSL*, 112; *Toàn thư*, 300).

- Năm Hội Tường Đại Khánh thứ 3 (1112): “Thanh Hóa nói rằng ven biển có đứa trẻ lạ, tuổi lên ba, ai nói gì cũng hiểu, tự xưng chính là Giác Hoàng (Phật). Phàm

vua làm việc gì nó cũng đều biết trước cả. Vua sai trung sứ đến hỏi nó, thấy những điều nó nói đều đúng, bèn đón về tại chùa Báo Thiên. Vua thấy nó linh dị lại càng yêu lắm. Bấy giờ vua không có người kế tự, toan lập nó làm Thái tử, quần thần cho là không nên, vua bèn thôi” (VSL, 112).

- Năm Thiên Phù Khánh Thọ thứ 1 (1127): “Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín làm phán sự phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 311; *Tiền biên*, 259)<sup>(1)</sup>;

- Năm Thiên Thuận thứ 1 (1128): “Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ Gia ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hóa và Dương Ổ ở châu ấy đưa quân đi đánh, phá được... Đày người phạm tội ở châu Quảng Nguyên đến phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 318; *Tiền biên*, 265).

- Năm Thiên Thuận thứ 2 (1129): “Cho Đỗ Nguyên Thiện làm Tham tri chính sự, giữ phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 320; *Tiền biên*, 269).

- Năm Thiên Thuận thứ 3 (1130): “Cho Ngự khổ thư gia là Lương Cải giữ phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 321; *Tiền biên*, 269).

---

(1). *Tiền biên* chép: Cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín đi giải quyết công việc ở phủ Thanh Hóa.

- Năm Thiên Thuận thứ 5 (1132): Xuống chiếu cho Thái úy Dương Anh Nhĩ đem người ở phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan (*Toàn thư*, 323; *Tiền biên*, 272)...

- Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 3 (1135): “Cho Ngự khổ thư gia Dương Chương giữ phủ Thanh Hóa” (*Toàn thư*, 325; *Tiền biên*, 273).

- Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 (1136): “Vua ngự đến phủ Thanh Hóa xem bắt voi” (*Toàn thư*, 327; *Tiền biên*, 275).

- Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 5 (1137): “Cho Ngự khổ thư gia giữ phủ Thanh Hóa là Dương Chương làm Viên ngoại lang” (*Toàn thư*, 327; *Tiền biên*, 275).

- Năm Đại Định thứ 13 (1152): “Người Chiêm Thành là Ung Minh Ta Điệp đến cửa khuyết xin mệnh làm vua nước ấy, vua ban chiếu cho Thượng chế Lý Mông đem hơn 5.000 quân đến Thanh Hóa và Nghệ An đưa về nước ấy lập làm vua...” (*Toàn thư*, 341; *Tiền biên*, 286).

- Năm Thiên Tư Gia Thụy thứ 7 (1192): “người giáp Cổ Hoảng, phủ Thanh Hóa làm phản, sai tướng đi đánh dẹp được” (*VSL*, 162; *Toàn thư*, 354; *Tiền biên*, 301).

- Năm Thiên Tư Gia Thụy thứ 14 (1199): “... vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi và sai sứ sang phong vua



nước Chiêm Thành” (VSL, 164; *Toàn thư*, 355; *Tiền biên*, 302).

- Năm Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 2 (1203): “bọn Phí Lang ở sông Đại Hoàng làm phản... Vua sai Chi hậu Trần Lệnh Hinh làm nguyên soái, đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư là Từ Anh Nhĩ đem quân phủ Thanh Hóa cùng tiến” (VSL, 168; *Toàn thư*, 357; *Tiền biên*).

Từ năm 1111 là thời điểm địa danh Thanh Hóa xuất hiện đầu tiên (phủ Thanh Hóa) đến năm 1203, tổng cộng có 15 sự kiện (diễn ra trong 14 năm), trong đó *VSL*, *Toàn thư* và *Tiền biên* cùng chép 3 sự kiện (1192, 1199 và 1203); có 13 sự kiện *Toàn thư* và *Tiền biên* cùng chép; có 1 sự kiện *VSL* và *Toàn thư* cùng chép (1111) và 1 sự kiện duy có *VSL* chép (1112).

Trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (*Cương mục*) chúng tôi đặc biệt lưu ý đến sự kiện năm Quang Thuận thứ 10 (1469), vua Lê Thánh Tông định bản đồ 12 Thừa tuyên, trong *Lời chú* (註), Thừa tuyên Thanh Hóa gồm 4 phủ là phủ Thiệu Thiên (quản lãnh 8 huyện); phủ Hà Trung (quản lãnh 4 huyện); phủ Tĩnh Gia (quản lãnh 3 huyện) và phủ Thanh Đô (quản lãnh 1 huyện và 4 châu)<sup>(1)</sup>.

---

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Sđd, tr.1074; bản chữ Hán, quyển 21, tờ 16.

Trong *Cương mục*, các sử thần triều Nguyễn (những người trực tiếp biên soạn bộ sử này) đã khảo xét (按) về diên cách 12 Thừa tuyên từ thời Hùng vương đến thời Tự Đức (thời điểm biên soạn bộ *Cương mục*) và cho biết về diên cách của Thừa tuyên Thanh Hóa như sau:

按:

[清化]古雄王九真部...梁武帝改九真爲□州隋復爲九真郡唐分置□州九真二郡丁黎爲□州李改爲寨天成二年改爲清化府陳元豐六年復爲寨...<sup>(1)</sup>.

Án:

Thanh Hóa cổ Hùng vương Cửu Chân bộ... Lương Vũ đế cải Cửu Chân vi Ái Châu, Tuỳ phục vi Cửu Chân quận, Đường phân trí Ái Châu, Cửu Chân nhị quận. Đinh, Lê vi Ái Châu, Lý cải vi trại, Thiên Thành nhị niên cải vi Thanh Hóa phủ. Trần Nguyên Phong lục niên phục vi trại...

*Dịch nghĩa:*

---

(1). *Cương mục*, quyển 21, tờ 19. Trong đoạn văn trên hai chữ 清化 được đặt trong ô vuông.

Thời Hùng vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân... Lương Vũ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm hai quận Ái Châu và Cửu Chân; nhà Đinh, nhà Lê gọi là Ái Châu, nhà Lý đổi làm trại, **năm Thiên Thành thứ 2 đổi làm Thanh Hóa phủ**; nhà Trần năm Nguyên Phong thứ sáu gọi là trại...

Thiên Thành là niên hiệu của vua Lý Thái Tông từ tháng Tư năm Mậu Thìn (1028) đến hết năm Quý Dậu (1033) và năm thứ 2 là năm 1029.

Địa danh Thanh Hóa, cấp hành chính phủ Thanh Hóa được chép lần đầu tiên trong thư tịch *qua lời xét của sử thần* triều Nguyễn khi biên soạn *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* là vào năm **1029** (Thiên Thành năm thứ 2, triều vua Lý Thái Tông) còn địa danh Thanh Hóa, cấp hành chính phủ Thanh Hóa được chép lần đầu tiên trong thư tịch ở *phần chính văn* của ba bộ sử: *Việt Sử lược*, *Toàn thư* và *Tiền biên* là vào năm **1111** (Hội Tường Đại Khánh thứ 2, triều vua Lý Nhân Tông)<sup>(1)</sup>. Hai niên đại này cách nhau 82 năm. Tên gọi hành chính *cấp phủ*

---

(1). Trong *Tiền biên*, địa danh Thanh Hóa được chép sớm nhất năm 1105, là năm Thái úy Lý Thường Kiệt qua đời. Đoạn văn chép như sau: "... khi còn trẻ là Hoàng môn chi hậu thờ Thái Tông dần dần thăng lên đến chức Nội thị sảnh đô tri. Thánh Tông phong làm Thái bảo, ban chiếu cho tiết việt, đi xét hỏi các lại dân ở *Thanh Hóa, Nghệ An*...". Tuy nhiên theo chúng tôi, đoạn văn này Ngô Thì Sĩ muốn chú thích rõ hơn về hành trạng của Lý Thường Kiệt.

*Thanh Hóa* chép lần cuối cùng vào năm 1234: *nhà Trần phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc Thái sư, trông coi việc ở phủ Thanh Hóa*. Từ năm 1242, Thanh Hóa trở thành đơn vị hành chính cấp Lộ.

Trong cuộc Hội thảo cuối năm 2011, một số nhà nghiên cứu căn cứ vào ghi chép của *Cương mục* khi chú thích về địa danh Thanh Hóa đã đưa ra kết luận: *Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện lần đầu tiên vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) triều vua Lý Thái Tông và cũng có ý kiến cho rằng lấy niên đại 1082 khi địa danh Thanh Hóa xuất hiện trên tấm bia An Hoạch sơn Báo Ân tự bi kí 安獲山報恩寺碑記*. Ngoài ra, đây đó có một vài ý kiến đề xuất chọn thời điểm 1111 là năm địa danh Thanh Hóa với sự xuất hiện cấp hành chính phủ *Thanh Hóa*. Tôi cho rằng những ý kiến trên sẽ được thảo luận nghiêm túc trong cuộc Hội thảo lần này nhằm đưa ra được những bằng chứng khoa học tin cậy nhất.

Trở lại với vấn đề thời điểm xuất hiện đầu tiên của Danh xưng Thanh Hóa, tôi có vài ý kiến tham góp như sau:

Hiện tại, chúng ta đang quan tâm đến hai niên đại là năm 1029 và năm 1082.

*Về niên đại 1029*: đây là quan điểm của các sử gia triều Nguyễn khi khảo xét về diên cách địa danh, hành chính của Thanh Hóa (nhân việc lập Thừa tuyên Thanh

Hóa năm Quang Thuận thứ 10 - 1469, dưới triều Lê Thánh Tông), từ thời Hùng Vương, trải qua hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc, đến các triều Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Mạc, Lê Trung Hưng, Tây Sơn và triều Nguyễn. Giới hạn niên đại cuối cùng của việc khảo xét địa danh, cấp hành chính Thanh Hóa đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843). Nhiều công trình địa lý học lịch sử sau này như *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*; *Việt sử địa dư* (Phan Đình Phùng)<sup>(1)</sup>... cũng bị chi phối từ quan điểm này.

Diên cách Thanh Hóa - Thanh Hoa được ghi chép khá nhiều trong các bộ địa lý học lịch sử. Dưới đây, chúng tôi điểm lại ý kiến của Phan Huy Chú về vấn đề địa danh Thanh Hóa.

Trong phần *Dư địa chí*, mục *Thanh Hoa* sách *Lịch triều hiến chương loại chí* Phan Huy Chú cho biết: *Thanh Hoa... [thời] Tấn, Hán gọi là quận Cửu Chân, [thời] Lương đặt là châu Ái, [thời] Tùy gọi là Cửu Chân, [thời] Đường đổi là châu Ái. Thời Đinh cũng theo như thế. Nhà Lý đổi làm trại, rồi đổi làm phủ*<sup>(2)</sup>.

Qua nội dung ghi chép trên đây cho thấy: Danh xưng Thanh Hóa bắt đầu được đổi từ Ái Châu, đầu tiên đổi là *trại Thanh Hóa*, sau mới đổi thành *phủ Thanh Hóa*. Và

---

(1). Phan Đình Phùng, *Việt sử địa dư*, Nguyễn Hữu Mùi dịch, Nxb. Nghệ An, 2008, tr.92, 93.

(2). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1992, tr.42.

một điều rất dễ nhận thấy là từ sau khi xuất hiện địa danh Thanh Hóa (trại Thanh Hóa hay phủ Thanh Hóa) thì địa danh Ái Châu biến mất trong các bộ sử.

Dưới đây, chúng tôi điểm qua một số ghi chép về các sự kiện thời Lý liên quan đến địa danh Ái Châu:

- Năm 1011: Vua [Lý Thái Tổ] thân đi dẹp giặc Cử Long ở Ái Châu (VSL, 75, *Toàn thư*, 243; *Tiền biên*, 198).

Năm 1029: Giáp Đản Nãi ở châu Ái làm phản (VSL, 79, *Toàn thư*, 259; *Tiền biên*, 213).

- Năm 1035: Người Châu Ái làm phản... (VSL, 81, *Toàn thư*, 264; *Tiền biên*, 216).

Năm 1043: Mùa xuân, tháng Giêng, Châu Ái làm phản... (VSL, 84, *Toàn thư*, 272; *Tiền biên*, 223).

Năm 1050: Giáp Long Trì ở Ngũ Huyện Giang thuộc Ái Châu làm phản... (VSL, 87).

Năm 1061: Ngũ Huyện Giang ở Ái Châu làm phản (VSL, 93).

Từ năm 1043 trở về sau, *Toàn thư* và *Tiền biên* không chép địa danh Ái Châu và từ năm 1061 trở về sau, *Việt Sử lược* cũng không chép về địa danh Ái Châu. Tuy nhiên, trong văn bia đầu thế kỷ XII các địa danh như Cử Chân, Ái Châu vẫn hiện diện. Trong 4 văn bia thời Lý kể trên, địa danh Ái Châu xuất hiện ở hai bia, đó là:

- *Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh*: 崇嚴延

聖寺碑銘, trong đoạn văn: 於會祥大慶七年丙申  
春二月御駕南巡至□州遂纜龍舟暫停□仗

- *Ư Hội Tường Đại Khánh thất niên Bính Thân xuân nhị  
nguyệt, ngự giá Nam tuần chí Ái Châu toại lām long  
chu, tạm đình loan trượng*. (Tháng Hai năm Bính Thân  
niên hiệu Hội Tường Đại Khánh, nhà vua tuần du  
phương Nam, đến Ái Châu liền buộc thuyền rồng, tạm  
dừng nghi trượng...).

- *Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi* 仰山靈稱寺碑

銘, trong đoạn 英武昭勝初褒天子義弟知愛州

九真郡清鎮諸軍州事封食越裳萬□ “Anh  
Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ, tri Ái châu  
Cửu Chân quận Thanh Hóa trấn chư lộ quân châu sự,  
phong thực Việt Thường vạn hộ”. (Đầu năm Anh Vũ  
Chiêu Thắng [Ông] được phong làm em nuôi vua,  
trông coi mọi việc quân ở các châu trấn Thanh Hóa,  
quận Cửu Chân, châu Ái và phong cho thái ấp một  
vạn hộ ở Việt Thường).

Về sự xuất hiện của địa danh Ái Châu, chúng tôi  
nhận thấy:

- Qua thư tịch, địa danh Ái Châu tồn tại đến năm 1061.

- Qua văn bia, địa danh Ái Châu tồn tại đến đầu thế kỷ XII (muộn nhất là năm 1116).

Như vậy, theo nội dung văn bia thì đến thập niên thứ hai (thế kỷ XII), địa danh Ái Châu vẫn còn được sử dụng, khi đó Ái Châu có thể là một cấp hành chính trực thuộc phủ Thanh Hóa?

Nếu như Thanh Hóa được đặt thành phủ vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) như lời Xét trong *Cương mục* và một số nhà nghiên cứu sau này thừa nhận, vậy tại sao các bộ sử như *Việt Sử lược*, *Toàn thư* và *Tiền biên* từ sau năm 1029 đến năm 1061 không hề nhắc đến địa danh Thanh Hóa mà chỉ ghi chép về địa danh Ái Châu? Liệu có phải khi ấy Ái Châu đã trở thành một cấp hành chính của phủ Thanh Hóa, và những sự kiện được các bộ sử kể trên chép lại chỉ xảy ra trên địa bàn Ái Châu? Đây cũng là vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn.

*Địa danh Thanh Hóa xuất hiện* trong văn bia chùa Báo Ân có đề cập đến niên đại 1082, là thời điểm Lý Thường Kiệt được vua Lý Nhân Tông bao phong chức không phải là năm ông đến nhậm chức ở Thanh Hóa.

Đoạn văn như sau: 至壬戌之歲皇帝特加清化一軍賜公封邑群牧向風萬民慕德: “*Chí Nhâm*



*Tuất chi tuế, Hoàng đế đặc gia Thanh Hóa nhất quân, tứ công phong ấp, quân mục hướng phong; vạn dân mộ đức”* (đến năm Nhâm Tuất [1082], nhà vua đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa làm ấp phong. Châu mục đều ngưỡng mộ phong thanh, muôn dân đều mến mộ đức độ của ông). Tôi cho rằng, Lý Thường Kiệt vào Thanh Hóa trước đây vài năm và đến năm Nhâm Tuất (1082), vì có công lao nơi trị nhậm, ông được đặc biệt ban thêm cho một quân Thanh Hóa làm ấp phong (*Văn bia Báo Ân*).

Trong nội dung tấm bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi 仰山靈稱寺碑銘 chúng tôi đặc biệt lưu ý đến đoạn: 英武昭勝初褒天子義弟知愛州九真郡清鎮諸軍州事 - Anh Vũ Chiêu Thắng sơ, bao thiên tử nghĩa đệ, tri Ái châu Cửu Chân quận Thanh Hóa trấn chư lộ quân châu sự... *Đầu năm Anh Vũ Chiêu Thắng [Lý Thường Kiệt] được phong làm em nuôi vua, trông coi mọi việc quân ở các châu trấn Thanh Hóa, quận Cửu Chân, châu Ái...*

Anh Vũ Chiêu Thắng là niên hiệu của Lý Nhân Tông từ năm 1076 đến năm 1084. Nếu nói là *năm đầu* hoặc *những năm đầu* của niên hiệu này thì hoặc là năm 1076, hoặc năm 1077-1078 là cùng, chứ không thể là năm 1082, năm gần cuối của niên hiệu. Theo chính sử

thì năm 1076-1077, Lý Thường Kiệt đang ở Thăng Long cùng triều thần, tướng lĩnh và quân dân Đại Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống nên ông chưa thể vào trấn trị vùng đất này. Khi mối quan hệ Đại Việt với nhà Tống đã trở lại bình thường thì Lý Thường Kiệt được điều vào Thanh Hóa để trông coi vùng phen dậu, có thể đó là năm 1078, 1079.

Từ những phân tích trên, có thể xác định khung thời gian xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa là từ năm 1029 đến trước năm 1082.

*Về niên đại 1029*: đây là niên đại tuyệt đối nhưng độ tin cậy của sự kiện chưa hoàn toàn tuyệt đối (dưới góc độ sử liệu học của khoa học lịch sử).

Mặc dù niên đại 1029 không ghi vào phần chính văn trong bộ *Cương mục* mà chỉ ghi trong lời Xét của sử thần triều Nguyễn nhưng nó cũng có giá trị sử liệu nhất định. *Cương mục* là bộ quốc sử lớn của triều Nguyễn, do Phan Thanh Giản làm Tổng tài cùng Phó Tổng tài Phạm Xuân Quế và các vị Toàn tu Trần Văn Vi, Đặng Quốc Lang, Hồ Sĩ Tuấn, Đặng Trần Chuyên, Lê Thái Bạt, Trần Tiến Thọ..., biên soạn công phu trong nhiều năm (từ năm 1856 đến năm 1859). Trước khi khắc in và ban hành vào năm Kiến Phúc thứ nhất (1884), bộ sách đã trải qua nhiều lần *duyet nghi*, *duyet kiem*, *phuc kiem*, *duyet dinh* và *kiem duyet*. Lần kiểm duyệt cuối cùng trước khi đem khắc in

được tiến hành từ năm 1881 đến năm 1884, do Hội bộ Thượng thư, sung Kinh diên giảng quan, sung Cơ Mật viện đại thần, sung Quốc sử quán Phó Tổng tài, kiêm quản Quốc Tử giám, dung Kiên Giang quận công phủ Su bảo Phạm Thận Duật phụ trách, do đó *Cương mục* cũng có thể được coi là bộ sử chính thống, quan phương, nguồn sử liệu có độ tin cậy cao. Trong số các sử gia tham gia làm bộ *Cương mục*, sau này có Phan Đình Phùng và Nguyễn Thông cũng đã biên soạn những cuốn sử có giá trị. Học giả Đào Duy Anh (trong công trình *Đất nước Việt Nam qua các đời*)<sup>(1)</sup> và GS. Hà Văn Tấn (phần hiệu đính, chú thích *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi)<sup>(2)</sup> cũng đã sử dụng tư liệu trong lời *Xét* của sử thần triều Nguyễn ở bộ *Cương mục* khi chú giải về Thanh Hóa.

**VỀ NIÊN ĐẠI 1082:** Có lẽ nhiều ý kiến đã nhất trí rằng, Danh xưng Thanh Hóa phải xuất hiện trước năm 1082 (thời điểm Lý Thường Kiệt được phong thưởng khi ông đã và đang ở Thanh Hóa), còn cụ thể năm nào thì chưa xác định được. Do vậy, chọn năm 1082 đã thật sự phù hợp chưa nếu xét về tính cụ thể, tính chính xác của sự kiện lịch sử?

---

(1). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.190.

(2). *Nguyễn Trãi toàn tập*, Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1976, tr.611.

Trong khi chờ đợi những nghiên cứu mới trên cơ sở nguồn tài liệu mới đảm bảo tính xác thực, khách quan khoa học, theo tôi, có thể **chọn năm 1029** (năm Thiên Thành thứ 2, triều vua Lý Thái Tông) là năm ra đời của Danh xưng Thanh Hóa.

## VỀ THỜI ĐIỂM RA ĐỜI CỦA TÊN GỌI “THANH HÓA”<sup>(\*)</sup>

### 1. Lời dẫn

*Thanh Hóa* là mảnh đất giàu truyền thống bậc nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Xứ Thanh cũng là nơi phát tích, sản sinh ra nhiều bậc vua chúa nổi bật, làm rạng danh sơn hà xã tắc<sup>(1)</sup>. Vùng đất này vốn có nhiều tên gọi và sự tách nhập khác nhau qua từng thời kỳ, như *Cửu Chân bộ* 九真部 thời Hùng Vương, *Tượng Quận* 象郡 thời Tần; *Cửu Chân quận* 九真郡 thời Hán; thời Ngô 吳 thì được chia làm hai quận: *Cửu Chân* 九真 và *Cửu Đức* 九德; đến đời

---

(\*). TS. Võ Vinh Quang, *Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế*.

(1). Chẳng hạn như: Bà Triệu (226-248), Dương Đình Nghệ (?-937), Lê Hoàn (941-1005), Hồ Quý Ly (1336-1407), Lê Lợi (1385-1433), Nguyễn Kim [Cam] (1468-1545), Trịnh Kiểm (1503-1570)...

Lương Vũ đế 梁武帝 (502-549), vùng phía bắc *quận Cửu Chân* 九真郡 được tách ra, lập làm *Ái Châu* 愛州. Thời Tùy (581-618), *Ái Châu* 愛州 lại lệ vào quận Cửu Chân. Đến nhà Đường 唐 (618-907) thì tách ra làm hai *quận Ái Châu* 愛州郡 và *quận Cửu Chân* 九真郡. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lý Thái Tổ đổi 10 đạo trong cả nước làm 24 lộ, *châu Hoan* 驩州 và *châu Ái* 愛州 làm trại 寨...

Diễn cách tên gọi *Thanh Hóa* từng được nhiều tư liệu lịch sử và công trình khoa học đề cập. Đồng thời, để góp phần sáng tỏ thời điểm xuất hiện của tên gọi hành chính *Thanh Hóa*, tháng 11/2011, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học “*Thanh Hóa, đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, khởi đầu và diễn biến*” (từ đây xin gọi là: *Hội thảo Thanh Hóa 2011*). Hội thảo đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, đem lại cái nhìn khá toàn diện về vùng đất truyền thống này. Tuy vậy, có một vấn đề quan trọng vẫn chưa nhận được sự đồng thuận của các nhà nghiên cứu đó là *thời điểm xuất*

*hiện của Danh xưng Thanh Hóa, với tư cách là một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương.*

Với mong muốn góp thêm ý kiến để giải quyết vấn đề đặt ra ở trên, ở bài viết này, chúng tôi xin đóng góp thêm một số tư liệu về thời điểm xuất hiện Danh xưng Thanh Hóa.

## **2. Tìm hiểu về thời điểm ra đời của tên gọi “Thanh Hóa” 清化 (địa danh hành chính)**

Tại *Hội thảo Thanh Hóa 2011*, có hai luồng ý kiến về thời điểm xuất hiện của Danh xưng Thanh Hóa, đó là: (1) xác định vào năm *Thiên Thành thứ 2* triều Lý Thái Tông 李太宗 (1029); (2) vào năm *Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 7* triều Lý Nhân Tông 李仁宗 (1082). Đây là hai cột mốc được các nhà nghiên cứu đưa ra căn cứ vào các nguồn tư liệu hiện tồn tiêu biểu nhất.

Qua quá trình tham cứu hệ thống sử liệu, địa chí... hiện tồn của Trung Quốc, Việt Nam, Pháp (*Tài liệu Trung Hoa* gồm: *Tổng sử* 宋史, *Tổng thư* 宋書, *Tổng hội yếu* 宋會要, *Thái Bình hoàn vũ ký* 太平環宇記, *Đại Minh nhất thống chí* 大明一統志, *Việt kiều thư* □

嶠書, *An Nam chí [nguyên] 安南志 [原]...*; *Tài liệu của Pháp* là cuốn *Province de Thanh Hoa* của H. Le Breton (1924); *Tài liệu Việt Nam* là các bộ sử như *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 (từ đây xin gọi tắt là: **Toàn thư**), *Đại Việt sử ký tiền biên* 大越史記前編, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目 (từ đây xin gọi tắt là: **Cương mục**), *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志, *Việt sử địa dư* 越史地輿...), chúng tôi có các nhận định như sau:

Theo H. Le Breton trong *La Province de Thanh Hoa*, từ thời Đinh Bộ Lĩnh (924-979) xứ này từng có tên là *Thanh Hoa* 清華 (hoa 華 trong hàm nghĩa *trinh hoa* 精華). Cụ thể, ở mục *I. Variations dans l'étendue et les noms (Những thay đổi trong phạm vi và tên gọi)*, ông viết: “C’est sous le règne de Đinh-Bô-Lãnh que le nom de Thanh Hoa (華) apparait pour la première fois, mais



pour ne désigner qu'une partie de la province actuelle"<sup>(1)</sup> (tạm dịch: đó là lần đầu tiên tên Thanh Hoa được xuất hiện dưới triều Đinh Bộ Lĩnh, nhưng để chỉ định là một phần của tỉnh [Thanh Hóa] hiện nay).

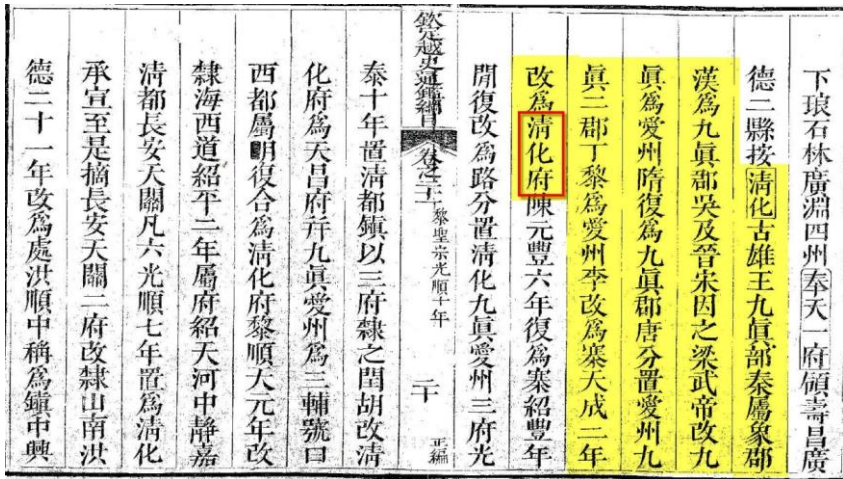
Theo nhận định của H. Le Breton, địa danh *Thanh Hoa* 清華 đã xuất hiện vào triều Đinh Bộ Lĩnh, và cùng với các địa danh khác như Cửu Chân, Tượng Quận, Ái Châu... đều là tiền thân của Thanh Hóa. Tuy vậy, chúng tôi chưa rõ tác giả căn cứ vào nguồn tư liệu khách quan nào để xác tín như vậy, nên chỉ cung cấp ở đây để tham khảo thêm.

Căn cứ vào bộ chính sử quan trọng thứ hai của lịch sử Việt Nam (sau *Toàn thư*) là sách *Cương mục* thì địa danh hành chính *Thanh Hóa* xuất hiện vào năm Thiên Thành thứ 2 triều Lý Thái Tông (1029). Cụ thể, tại tờ 20, quyển 21 sách *Cương mục* có đoạn: [清化]: 古雄王九真郡秦屬象郡漢為九真郡吳及晉宋因之。梁武帝改九真為愛州隨復為九真郡。唐分置愛州九真二郡。丁黎為愛州。李改為寨。天成

---

(1). H. Le Breton (1924), *La Province de Thanh Hoa*, Imprimerie Kim Đức Giang, Hanoi, pp.22.

二年改為清化府<sup>(1)</sup> ([Thanh Hóa]: Xưa, thời Hùng Vương là bộ Cửu Chân, đời Tần thuộc Tượng Quận, đời Hán là quận Cửu Chân, đời Ngô - Tấn - Tống cũng theo đó [là Cửu Chân]. Đời Lương Vũ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu, đời Tùy trở lại tên gọi là quận Cửu Chân. Đời Đường thì phân tách và bố trí thành hai quận Ái Châu và Cửu Chân. Triều Đinh, Lê gọi là Ái Châu. Triều Lý đổi là trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm **Thanh Hóa phủ**) (ảnh 1).



Ảnh 1: “Thanh Hóa phủ” trong Cương mục

(1). Theo Khâm định Việt sử thông giám cương mục, chính biên欽定越史通鑑綱目正編 (bản chữ Hán), quyển 21-22, Thư viện Quốc gia Việt Nam lưu trữ, ký hiệu: R.515, tờ 20.

quyển 21, tờ 20 (phần tô đậm)

Chúng tôi cho rằng phần công bố của các sử gia triều Nguyễn về thời điểm xuất hiện của *Thanh Hóa* với tư cách là đơn vị hành chính: *Thanh Hóa phủ* 清化府 vào năm 1029 ở *Cương mục* rất đáng tin cậy. Bởi lẽ, *Cương mục* là bộ quốc sử cực kỳ quan trọng của triều Nguyễn, được thực hiện trong nhiều năm (từ năm 1856 đến năm 1859), lại trải qua các lần “*duyệt nghị*” (1871), “*duyệt kiểm*” (1872), “*phúc kiểm*” (1876), “*duyệt định*” (1878), “*kiểm duyệt*” (1884) rồi mới được khắc in và ban hành vào năm Kiến Phúc thứ 1 (1884).

Mặt khác, ở *Toàn thư, Bản kỷ 3: Kỷ Lý Nhân Tông* khi đề cập chuyện Thái úy Lý Thường Kiệt mất đã viết rằng: “[乙酉]五年(宋崇寧四年)...夏六月太尉李常傑卒贈入內殿都知檢校尉平章軍國重事越國公。食邑萬戶。以弟李常憲繼封侯。常傑昇龍太和坊人世襲簪笏多謀略有將才。少以姿貌揚逸充黃門侍太宗累遷內侍省都知。聖宗拜太保授節鉞經訪清化又安吏

民。及親征占城以為前鋒將。俘獲占主制矩以功拜輔國太傅。遙授諸鎮節度同中書門下上柱國天子義弟輔國上將軍開國公。復以功拜太尉卒” (nghĩa là: năm Ất Dậu [Long Phù năm thứ 5 (1105)] (năm Sùng Ninh thứ 4 nhà Tống)... Mùa hạ, tháng 6, Thái úy Lý Thường Kiệt chết, tặng chức *Nhập nội điện Đô tri Kiểm hiệu Thái úy Bình chương Quân quốc trọng sự*, tước *Việt quốc công*, ban thực ấp 1 vạn hộ, cho người em là Lý Thường Hiến được kế phong tước hầu. Thường Kiệt người phường Thái Hòa, thành Thăng Long, nổi đời làm quan, nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì vẻ mặt tươi đẹp được sung làm *hoàng môn*, theo hầu Thái Tông, thăng dần đến chức *Nội thị sảnh Đô tri*. Thái Tông phong chức *Thái bảo*, trao cho tiết việt<sup>(1)</sup> để xem xét dân tình ở **Thanh Hóa**,

---

(1). *Tiết việt* 節鉞 (*phù tiết* 符□: một loại phù hiệu đặc trưng do vua chúa ban cấp cho các vị tướng soái khi ra trấn ngoài. *Phù tiết* có chức năng thay vua để nắm giữ binh quyền, quản lý quân binh ... ở bên ngoài; *phù việt* 斧□: một loại binh khí lớn dạng chiếc búa, biểu tượng cho quyền uy của các vị tướng khi ra ngoài biên ải): đây là hai loại binh khí và binh phù để làm tin, được nhà vua ban cấp cho vị đại tướng để thay vua toàn quyền xử lý mọi việc ở biên cương hoặc trấn ngoài.

Nghệ An. Đền khi vua [Lý Thánh Tông] thân đi đánh Chiêm Thành, lấy ông làm tướng tiền phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Vì có công, được phong làm *Phụ quốc Thái phó, Dao thụ chư trấn Tiết độ, Đông Trung thư Môn hạ, Thượng trụ quốc, Thiên tử nghĩa đệ, Phụ quốc Thượng tướng quân*, tước *Khai quốc công*, sau lại có công nữa, được phong làm Thái úy, rồi chết) (ảnh 2-3).



Ảnh 2: Đoạn nói về Lý Thường Kiệt mất

(sách Đại Việt sử ký toàn thư, Hán văn, mộc bản Chính Hòa, 1697)

Tờ 15 a - b

<p>丁亥七年 <small>宋大觀元年</small> 夏地震</p>	<p>戊子八年 <small>宋大觀二年</small> 春二月築皇太子儀舍於○夏月</p>	<p>不雨</p>	<p>己丑九年 <small>宋大觀三年</small> 春築洞靈臺○我道入蘇厚社</p>	<p>崇謙反伏誅</p>	<p>丁亥九年 <small>宋大觀三年</small> 春有婦人獻鳳雛</p>	<p>五芝丸苞○徐文通獻白虎白馬座距檟一卒</p>	<p>十二莖○秋八月占城獻白象</p>	<p>開禧二年 <small>宋長興元年</small> 春清化府獻續柳一六九</p>	<p>錄道法清化人安其是及陳和占據以為前朝 傳傳上毛制辨以力再陳國太傅並據諸領海 開中朝閣下上柱國天子黃弟嗣國 ○秋九月 上將軍開國公魏以功拜大尉卒</p>	<p>重修延祐寺增於舊貫竄蓮花堂池名曰靈沼池 池之外築以畫廊廊之外又鑿碧池並架橋以 通之處前立寶塔以月之朔望及夏之四月八日 車駕臨幸設柝林之儀殿浴沃之式歲以為常 丙辰六年 <small>宋崇寧五年</small> 春五月望星見西方長竟天○ 太白晝見於南逆貴人</p>
--------------------------------------	--	-----------	---	--------------	--	---------------------------	---------------------	---	--	---

Ảnh 3: Đoạn nói về Lý Thường Kiệt mất

(sách Đại Việt sử ký toàn thư, Hán văn, mộc bản Chính Hòa, 1697)

Đôi chiếu thông tin trên với các tư liệu liên quan đến cuộc đời Lý Thường Kiệt, chúng ta thấy ông được thăng chức *Hiệu úy* vào năm 1054, không lâu sau thăng làm *Kiểm hiệu Thái bảo*. Điều này được học giả Hoàng Xuân Hãn công bố như sau: “năm Lý Thánh Tông lên ngôi (1054, ông [Thường Kiệt] 36 tuổi), vì đã có công phù dục, ông được thăng chức Bổng hành quân hiệu úy, tức là một chức vũ quan cao cấp. “Hàng ngày, ông hầu cận bên vua, hiến việc tốt, can việc xấu, giúp vua hết mọi

cách. Vì cần lao giúp rập, nên được cất lên chức Kiểm hiệu Thái bảo” (Bia LX), tức là một chức tại triều rất cao”<sup>(1)</sup>.

Sau đó, *Toàn thư* ghi rõ là ông được “trao cho tiết việt để xem xét dân tình ở **Thanh Hóa, Nghệ An**” (授節鉞, 經訪清化乂安吏民 thụ tiết việt, kinh phỏng Thanh Hóa, Nghệ An lại dân). Mặc dù *Toàn thư* không ghi cụ thể thời gian Lý Thường Kiệt vào Thanh Hóa, nhưng chắc chắn một điều là phải sớm hơn thời điểm ông cùng vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành vào năm Kỷ Dậu (1069). Bởi lẽ, tiếp theo sự kiện Lý Thường Kiệt vào Thanh Hóa, Nghệ An thì *Toàn thư* ghi: “Đến khi vua thân đi đánh Chiêm Thành [Kỷ Dậu, 1069], lấy ông làm tướng tiền phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ” (及親征占城, 以為前鋒將。俘獲占主制矩 cập thân chinh Chiêm Thành, dĩ vi tiền phong tướng).

Từ cứ liệu của *Toàn thư* ở trên, chúng tôi thấy rằng những ý kiến xác định cột mốc năm 1082 xuất hiện địa danh Thanh Hóa (với tư cách là đơn vị hành chính) là không hợp lý. Bởi vậy, chúng tôi thống nhất quan điểm với các công bố của *Cương mục* là cột mốc **năm 1029** (niên hiệu Thiên Thành thứ 2 đời Lý Thái Tông).

---

(1). Hoàng Xuân Hãn *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và Tông giáo triều Lý*, Nxb. Hà Nội, 2010, tr.39.

### 3. Bàn thêm về “châu” 州 - “phủ” 府 trong quan hệ với địa danh hành chính Thanh Hóa

“Châu” 州 và “phủ” 府 ở đây là hai đơn vị hành chính có quan hệ mật thiết với Danh xưng Thanh Hóa. Đây cũng là mấu chốt tạo ra cuộc tranh luận kéo dài về thời điểm bắt đầu xuất hiện tên gọi Thanh Hóa trong lịch sử.

Như đã biết, vào đời Lương Vũ Đế 梁武帝 (502-549), vùng đất này bắt đầu xuất hiện địa danh *Ái Châu* 愛州, đây là kết quả của sự chia tách phần phía bắc *quận Cửu Chân* 九真郡. Đến đời Tùy (589-617) thì *Ái Châu* 愛州 lại cho lệ vào *quận Cửu Chân*. Xin lưu ý rằng vào đời Lương - Tùy, *Ái châu* 愛州 tồn tại với tư cách là đơn vị hành chính “**châu**” 州 (nên có thể gọi là *châu Ái*).

Đến triều đại nhà Đường 唐 (618-907) thì nơi đây mới được chia tách làm hai *quận* 郡: *Ái Châu quận* 愛州郡 và *Cửu Chân quận* 九真郡. Tức rõ ràng *Ái Châu* (viết hoa 2 chữ) ở đời Đường là danh từ riêng, dùng để chỉ đơn vị hành



chính cấp “*quận*” (Ái Châu *quận* 愛州郡) chứ không còn là đơn vị hành chính “*châu*” 州 như trước nữa.

Vào niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), vua Lý Thái Tổ đổi 10 đạo trong cả nước làm 24 lộ, riêng đổi với *châu Hoan* 驩州 và *châu Ái* 愛州 được đổi làm *trại* 寨 (ở đây lại quay về đơn vị hành chính cấp “*châu*” (Ái *châu* 愛州)... Và, như *Cương mục* đã nói, vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029), vua Lý Thái Tông gọi toàn vùng đất này là *Thanh Hóa phủ* 清化府.

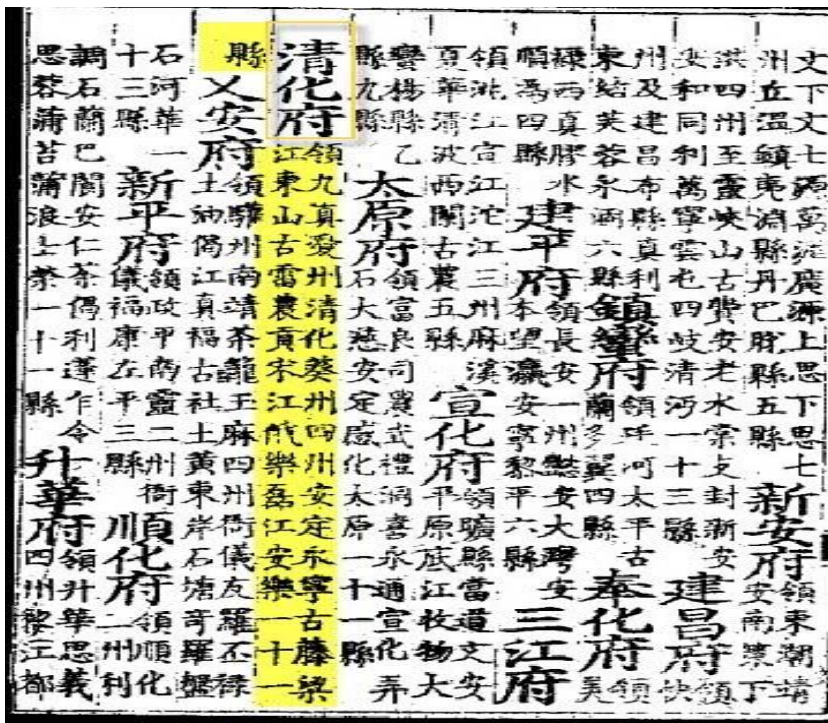
Vậy, khi đã có *phủ Thanh Hóa* 清化府 vào năm 1029 (đơn vị hành chính “*phủ*” 府), liệu rằng tên gọi địa danh hành chính Ái *châu* 愛州 có thể cùng tồn tại song song được không? Xin trả lời rằng: *hoàn toàn được*, đây là điều hiển nhiên. Bởi lẽ Ái *châu* 愛州 ở đây chỉ là đơn vị *châu* 州 thuộc *phủ Thanh Hóa*. Dấu ấn của *phủ Thanh Hóa* bao quát Ái *châu* kéo dài đến thời nhà Minh đô hộ (1407-1427). Các tư liệu hiện tồn như *Đại Minh nhất thống chí* 大明一統志, *Việt kiều thư* 越嶠書 của Lý

Văn Phụng 李文鳳 đời Minh, *An Nam chí [nguyên]* 安南志 [原] của Cao Hùng Trưng 高熊徵<sup>(1)</sup>, *Sử học bị khảo* 史學備考 của Đặng Xuân Bảng... thể hiện rõ nét vấn đề này. Chẳng hạn:

*Đại Minh nhất thống chí* 大明一統志 quyển 90, mục *An Nam* cho biết: “清化府: 領九真愛州清化葵州四州。安定永寧古藤梁江東山古雷農貢宋江俄樂磊江安樂一十一縣” (*Thanh Hóa phủ*: lãnh 4 châu là *châu Cửu Chân*, **châu Ái**, *châu Thanh Hóa*, *châu Quy*; 11 huyện gồm: *Yên Định*, *Vĩnh Ninh*, *Cổ Đằng*, *Lương Giang*, *Đông Sơn*, *Cổ Lô*, *Nông Công*, *Tổng Giang*, *Nga Lạc*, *Lỗi Giang*, *An Lạc*) (ảnh 4).

---

(1). Sở dĩ chúng tôi chọn các tư liệu đời Minh vì “*Quân Minh sang đánh bắt được họ Hồ, đặt ra Giao Chỉ tam ty [Bổ Chính ty, Án Sát ty, Đô ty]. Các phủ, châu, huyện thì đều theo tên cũ nhà Trần*” (Phan Huy Chú (Viện Sử học dịch, 2007), *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1*, mục *Dư địa chí*, Nxb. Giáo dục, tr.41). Do đó các địa danh hành chính thời Minh về cơ bản giống thời Trần.



Ảnh 4: *Đại Minh nhất thống chí*,  
quyển 90, mục An Nam - Thanh Hóa phủ

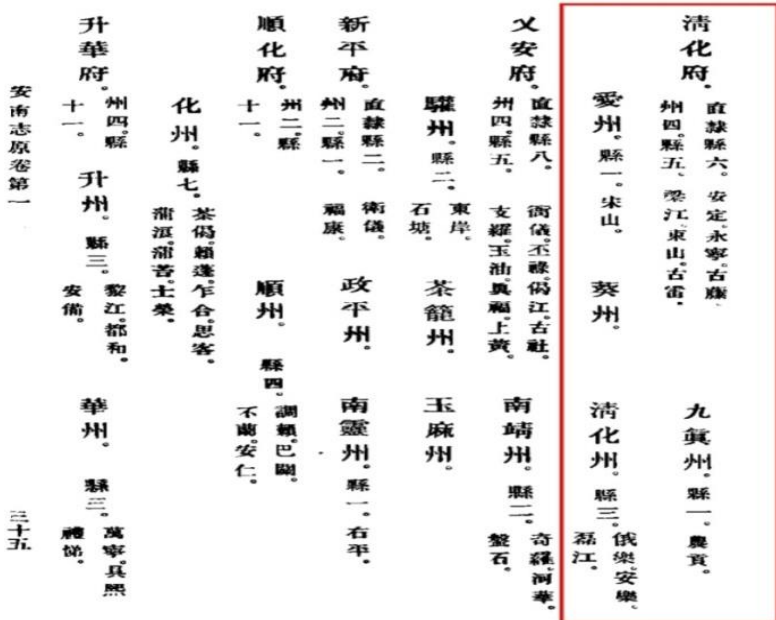
Tại *Việt kiệu thư* 越嶠書, mục Châu huyện diên cách 州縣沿格, Lý Văn Phụng viết: “清化府: 領四州十一縣: 九真州 愛州 清化州 葵州。安定縣 永寧縣 古藤縣 梁江縣 東山縣 古雷縣 農貢縣 宋江縣 俄樂縣 磊江縣 安樂縣” (Thanh Hóa phủ: lãnh 4 châu, 11 huyện gồm: châu *Cửu Chân*, châu *Ái*,

châu Thanh Hóa, châu Quy; huyện Yên Định, huyện Vĩnh Ninh, huyện Cổ Đằng, huyện Lương Giang, huyện Đông Sơn, huyện Cổ Lôi, huyện Nông Cống, huyện Tống Giang, huyện Nga Lạc, huyện Lôi Giang, huyện An Lạc).(ảnh 5).

宜江府領九縣	曠縣	富道縣	文安縣	平原縣
底江縣	收物縣	大變縣	楊縣	
乙縣				
太原府領十一縣	富良縣	思農縣	武禮縣	洞喜縣
永道縣	宣化縣	弄石縣	大慈縣	
安定縣	感化縣	太原縣		
清化府領四州十一縣	九真州	愛州	清化州	葵州
安定縣	永寧縣	古藤縣	梁江縣	
東山縣	古雷縣	農貢縣	宋江縣	
俄樂縣	磊江縣	安樂縣		
又安府領四州十二縣	驪州	南靖州	茶籠州	王麻州
衙儀縣	友羅縣	丕祿縣	上油縣	
偃江縣	真福縣	古社縣	土黃縣	
東岸縣	石塘縣	奇羅縣	盤石縣	
河華縣				
新平府領二州三縣	政平州	南靈州	衙儀縣	福康縣
左平縣				

Ảnh 5: Việt khiếu thư (Châu huyện diên cách)  
Thanh Hóa phủ

Ở *An Nam chí nguyên*, tác giả Cao Hùng Trung ghi rằng: [清化府]直隸縣六: 安定永寧古藤梁江東山古雷。州四縣五: 九真州縣一農貢。愛州縣一宋山。葵州。清化州縣三俄樂安樂磊江 (Phủ Thanh Hóa có 6 huyện trực lệ gồm: *An Định, Vĩnh Ninh, Cổ Đằng, Lương Giang, Đông Sơn, Cổ Lôi*; [còn lại] 4 châu 5 huyện gồm: *châu Cửu Chân* với huyện *Nông Công*, *châu Ái* với huyện *Tống Sơn*, *châu Quy*,



*châu Thanh Hóa* với 3 huyện là *Nga Lạc, An Lạc, Lôi Giang*) (ảnh 6).

Ảnh 6: An Nam chí nguyên

quyển 1: Châu phủ, mục Thanh Hóa phủ

Nói về đơn vị hành chính phủ Thanh Hóa thời thuộc Minh, sử gia Đặng Xuân Bảng viết: “*Phủ Thanh Hóa có 4 châu (Thanh Hóa, Ái châu, Cửu Chân, Quy châu) gồm 19 huyện, có 7 huyện trực thuộc là Cổ Đằng (nay là Hoằng Hóa) Cổ Hoành (có cửa biển Hội Trào, sau dôn vào Cổ Đằng, nay là Hoằng Hóa) Đông Sơn (có núi An Hoạch, núi Long Đại) Lương Sơn (nay là Thụy Nguyên) Cổ Lôi (có cửa ải Nghiêu Sơn, nay là Lôi Dương) An Định, Vĩnh Ninh (có núi Kim Âu, núi Hy Mã, nay là Vĩnh Lộc... Châu Ái (nay là Hà Trung) có 4 huyện là: Hà Trung (có cửa biển Linh Trường, nay là Hậu Lộc), Thống Ninh (vốn là Thống Bình đổi ra, nay là Hậu Lộc), Tống Giang (nay là Tống Sơn), Chi Nga (có 2 cửa biển là Thần Đầu, Chi Long nay là Nga Sơn)...*”<sup>(1)</sup>.

Qua các dẫn chứng trên, chúng tôi thấy rằng bởi châu Ái 愛州 (cũng gọi là Ái châu) là một đơn vị hành chính cấp châu 州 thời bấy giờ, trực thuộc phủ Thanh

---

(1). Đặng Xuân Bảng (1997), *Sử học bị khảo*, Viện Sử học - Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.388.

Hóa 清化府 nên các tư liệu sử sách của Việt Nam như *Toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *An Nam chí lược*, *Việt sử lược*, *Cương mục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*... vẫn thường xuyên đề cập đến Ái châu 愛州 (châu Ái) từ cột mốc 1029 trở đi<sup>(1)</sup> là chuyện bình thường. Điều đó không hề phủ nhận sự tồn tại của *phủ Thanh Hóa*, tức địa danh hành chính *Thanh Hóa* (với tên gọi cụ thể: *Thanh Hóa phủ*) hiện diện đầu tiên vào năm Thiên Thành thứ 2

---

(1). Ví dụ: Sách *Việt sử lược* cho biết: “năm Kỷ Tỵ, hiệu Thiên Thành thứ 2 (1029)... Giáp Đản Nãi ở Ái châu làm phản. Vua thân đi dẹp, bắt được bọn nó” (Khuyết danh, *Việt sử lược* [Trần Quốc Vương dịch], Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005, tr.79). Hoặc “Năm Ất Hợi, hiệu Thông Thụy năm thứ 2 (1035)... Ái châu làm phản, vương đích thân đi chinh phạt, thắng được...” (*Việt sử lược*, Sđd, tr.81).

Cả đến sau cột mốc năm 1082 (căn cứ vào cách gọi “*Thanh Hóa nhất quân*” 清化一軍 ở văn bia *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký*) thì sử sách vẫn ghi Ái châu (châu Ái) bên cạnh ghi chép về *phủ Thanh Hóa*. Chẳng hạn như: *Đại Việt sử ký tiền biên* nói đến địa danh châu Ái vào năm 1093 như sau: “*Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 [1093] (Tổng, Khánh Lịch năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, châu Ái nổi loạn*” (Ngô Thi Sĩ (1997), *Đại Việt sử ký tiền biên* (Dương Thị The dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.223).

Sách *Toàn thư* ghi chép về *phủ Thanh Hóa* vào năm 1111 rằng: “*Tân Mão, [Hội Tường Đại Khánh] năm thứ 2 [1111], (Tổng Chính Hòa năm thứ 1), Mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân*” (Quốc sử quán triều Lê (2011), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 (Ngô Đức Thọ dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.295). Vậy, rõ ràng hai đơn vị hành chính Ái châu (cấp châu) và *Thanh Hóa phủ* (cấp phủ) vẫn tồn tại song hành cùng nhau, và được cùng ghi chép rõ trong sử sách.

triều Lý Thái Tông (1029) như ghi chép của *Cương mục* là hoàn toàn có cơ sở khách quan để xác định.

#### **4. Kết luận**

Việc nghiên cứu về sự ra đời và biến đổi của các địa danh hành chính trong lịch sử là việc làm không hề đơn giản. Bởi do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan chi phối, sự ghi chép của tiền nhân không hẳn lúc nào cũng tỉ mỉ, cụ thể và rạch ròi. Đối với địa danh hành chính Thanh Hóa, mặc dù có nhiều tư liệu nói đến nhưng rất ít tư liệu giúp giải quyết rốt ráo về thời điểm xuất hiện của tên gọi này. Thực trạng ấy khiến cho các nhà nghiên cứu hiện nay chưa tìm được tiếng nói thống nhất để đi đến đồng thuận về thời gian ra đời cụ thể của Danh xưng Thanh Hóa. Đây cũng chính là vấn đề chúng tôi rất quan tâm và cố gắng giải quyết ở bài viết này.

Bằng việc dẫn liệu nguồn thư tịch có liên quan cùng phương pháp loại suy, khu biệt, chúng tôi cho rằng tên gọi *Thanh Hóa* với tư cách là một đơn vị hành chính cụ thể (*phủ Thanh Hóa* 清化府) bắt đầu xuất hiện vào năm 1029 là hợp lý nhất. Vì như ghi chép của *Toàn thư*, khi Lý Thường Kiệt cầm tiết việt đến vùng đất xứ Thanh trước lúc ông tham chiến ở đất Chiêm Thành (1069) thì nơi đây đã được gọi tên là *Thanh Hóa*.



Tên gọi *Thanh Hóa* 清化 gắn liền với đơn vị hành chính “*phủ*” 府 (*phủ Thanh Hóa* 清化府) không hề mâu thuẫn gì với sự tồn tại của *Ái châu* và cả hai đơn vị hành chính trên cùng tồn tại là điều khách quan, phù hợp. Vì “*phủ*” 府 là đơn vị hành chính cao hơn, có vai trò và trách nhiệm cai quản mọi mặt đối với các đơn vị hành chính nhỏ trực thuộc như “*châu*” 州, “*huyện*” 縣 bây giờ; Do đó, *Ái châu* 愛州 chỉ là 1 trong 4 châu nằm trong *phủ Thanh Hóa* 清化府 (từ thời Lý, Trần, thuộc Minh...).

Cuối cùng, với các cứ liệu hiện có, chúng tôi đồng thuận với quan điểm ở *Cương mục* về thời điểm bắt đầu hiện hữu tên gọi *Thanh Hóa* (với đơn vị hành chính “*phủ*”) vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đời vua Lý Thái Tông.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Viện Sử học - Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
2. Phan Huy Chú (Viện Sử học dịch, 2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Giáo dục.

3. *Đại Minh nhất thống chí* (chữ Hán), bộ nhập *Tứ khố toàn thư*.
4. E. Gaspardone (*suu tập*, 1932), *An Nam chí nguyên* (bản chữ Hán), Hà Nội.
5. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và Tông giáo triều Lý*, Nxb. Hà Nội, 2010.
6. H. Le Breton, *La Province de Thanh Hoa*, Imprimerie Kim Đức Giang, Hanoi, 1924.
7. Khuyết danh, *Việt sử lược* (Trần Quốc Vượng dịch), Nxb. Thuận Hóa - TT VHNN Đông Tây, Huế, 2005.
8. Lý Văn Phụng, *Việt kiều thư* (chữ Hán), bộ nhập *Tứ khố toàn thư tồn mục từng thư*.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, chính biên* (bản chữ Hán), quyển 21-22, *Thư viện Quốc gia Việt Nam*, ký hiệu: R.515.
10. Quốc sử quán triều Lê (Tb, 2011), *Đại Việt sử ký toàn thư*, 4 tập (Ngô Đức Thọ dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội.
11. Ngô Thị Sĩ, *Đại Việt sử ký tiền biên* (Dương Thị The dịch), Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997.
12. Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì, 2010), *Văn bia thời Lý*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.



